TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Đôc lập - Tư do - Hanh phúc

Bản án số: 98/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/10/2018
V/v: Ly hôn, T/c nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Hoàng Thị Nguyệt
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Tiến ;
2. Bà Nguyễn Thị Thưởng ;

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Trần Thị Thu Phương - Thư ký TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân *thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 302/2018/ TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2018/QĐXX-ST ngày 24 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 119/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh T - Sinh năm 1985

Địa chỉ: Đường N, phường Đ, thành phố T.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T2 - Sinh năm 1984(vắng mặt)

Nơi cư trú cuối cùng: Đường N, phường Đ, thành phố T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/7/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T2 kết hôn với nhau tháng 2 năm 2011 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T.

Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T2 chơi bời, nợ nần, không có trách nhiệm với vợ con đến tháng 11 năm 2012 anh T2 đã bỏ nhà đi khỏi địa phương, chị T và gia đình đã tìm mọi cách tìm kiếm anh T2 nhưng có tin tức gì về anh T2. Đến năm 2017 chị T đã yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích đối với anh T2. Tại quyết định số 03/2018/QDDS – ST ngày 12/3/2018 Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã tuyên bố mất tích đối với anh T2. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T2 không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T2.

Về con: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Hương G sinh ngày 01/8/2012. Ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu G, chị không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T2 đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Tòa án đã làm thủ tục niêm yết các văn bản triệu tập hợp lệ.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Anh Nguyễn Văn T2 đã bị Tòa án tuyên bố mất tích.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án (*Thẩm tra viên giúp việc cho thẩm phán)* đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, người liên quan; thực hiện xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định;Việc giao nhận thông báo thụ lý cho VKS và cho đương sự thực hiện đúng quy định; chấp hành đúng quy định của BLTTDS về thời hạn chuẩn bị xét xử .

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa: tại phiên tòa hôm nay HĐXX, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm

* Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự trong qua trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án:

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã nộp yêu cầu khởi kiện, cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh để đảm bảo quyền và lợi ích của mình, có mặt theo giấy triệu tập và chấp hành các quyết định của Tòa án, tham gia phiên tòa và thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại điều 70, 71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Bị đơn hiện không có mặt tại địa phương, đã bị Tòa án tuyên bố mất tích từ tháng 3/2018, vì vậy không có lời khai, không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham gia phiên tòa, không thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70, 72 BLTTDS. Tuy nhiên căn cứ điều 227 BLTTDS Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập được, Viện kiểm sát thấy rằng: Xét về hôn nhân: Chị T và anh T2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại UBND p Đ, xác định là hôn nhân hợp pháp. Qúa trình sinh sống hòa thuận được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T2 không tu chí làm ăn, chơi bời, nợ nần. Đến tháng 11/2012 thì anh T2 đã bỏ nhà đi khỏi địa phương. Chị và gia đình đã tìm kiếm nhưng không có tin tức của anh T2. Năm 2017, chị đã yêu cầu tuyên bố mất tích đối với anh T2. Ngày 12/ 3/2018, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã có Quyết định số 03/2018/QDDS-ST tuyên bố mất tích đối với anh T2. Nay chị T nhận thấy không còn tình cảm với anh T2 nên xin được ly hôn. Xét thấy, anh T2 đã bỏ đi mất tích, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung của anh chị không thể kéo dài. Vì vậy, chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T.

Xét về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Hương G, sinh 01/8/2012, hiện đang sinh sống cùng chị T. Chị T xin được nuôi con, không yêu cầu anh T2 đóng góp. Xét thấy, hiện anh T2 không có mặt tại địa phương. Cháu G đang còn nhỏ và đang sống cùng mẹ. Vì vậy, việc giao cháu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp, đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của cháu. Chấp nhận đề nghị của chị T về việc không yêu cầu anh T2 đóng góp nuôi con chung

Về tài sản và công nợ: Chị không yêu cầu giải quyết, do đó không xét.

Căn cứ: Điều 56, 81,82,83 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Minh T

Giao cháu Hương G cho chị T nuôi dưỡng, Chấp nhận đề nghị của chị T không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ : Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết qủa tranh tụng Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn T2 đã bị mất tích. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định. Do vậy Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 BLTTDS để xét xử vắng mặt đối với anh T2.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Nguyễn Văn T2 kết hôn với nhau vào tháng 2 năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T là hôn nhân hợp pháp .

Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T2 chơi bời, nợ nần, không có trách nhiệm với vợ con. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Đến tháng 11 năm 2012 anh T2 đã bỏ nhà đi khỏi địa phương, chị T và gia đình đã tìm mọi cách tìm kiếm anh T2 nhưng có tin tức gì về anh T2. Đến năm 2017chị T đã yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích đối với anh T2. Tại quyết định số 03/2018/QDDS – ST ngày 12/3/2018 Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã tuyên bố mất tích đối với anh T2. Từ khi Tòa án tuyên bố mất tích đối với anh T2 đến nay vẫn không có tin tức gì về anh T2. Điều này đã được thể hiện qua lời khai của chị T và xác nhận của chính quyền địa phương nơi anh chị cư trú (BL: 21;22). Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T2 không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T2. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình cho chị Nguyễn Thị Minh T được ly hôn anh Nguyễn Văn T2

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Hương G sinh ngày 01/8/2012. Ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu G, chị không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét thấy anh T2 đã bị mất tích, vì vậy giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hương G. Anh T2 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh T2 có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí*:* Chị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 56, Điều 81; 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; 273 BLTTDS. Điều 6, điểm a khoản 5, Điều 27, khoản 1.1 điều 1 phần I, mục A Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án

1.Về hôn nhân*:* Xử cho chị Nguyễn Thị Minh T được ly hôn anh Nguyễn Văn T2

2.Về con: Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Hương G sinh ngày 01/8/2012. Anh T2 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh T2 có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết .

4. Về án phí*:* Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số: A A/2016/0005425 ngày 06/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Chị T đã nộp đủ.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Thơ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án/

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- Chi cục THA DS TP.Thanh Hoá;
- UBND phường Đông Sơn ;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Thị Nguyệt